| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH HÀ GIANG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 04 /2015/QĐ-UBND | *Hà Giang, ngày 04 tháng 02 năm 2015* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang áp dụng đối với các trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất**

SỞ TƯ PHÁP TỈNH HÀ GIANG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 427
Ngày 10 tháng 2 năm 2015

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 ngày 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số: 776/TTr-STC ngày 31 tháng 12 năm 2014,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành hệ số điều chỉnh giá đất (gọi tắt là hệ số K) trên địa bàn tỉnh Hà Giang áp dụng đối với các trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất cụ thể như sau:

1. Phụ lục số 01: Áp dụng đối với các trường hợp: Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, tính tiền cho thuê đất, tính giá trị quyền sử dụng đất đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điểm b, c, d Khoản 4 Điều 114; Khoản 2 Điều 172 và Khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai năm 2013;

2. Phụ lục số 02: Áp dụng đối với các trường hợp: Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất vượt hạn mức; Tính tiền thuê đất đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất, vượt hạn mức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của

hộ gia đình, cá nhân (quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013);

3. Phụ lục số 03: Áp dụng đối với các trường hợp: Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân (quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10/02/2015 và thay thế Quyết định số 103/2013/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2013 của UBND tỉnh về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng trong trường hợp xác định đơn giá cho thuê đất và tính thu tiền sử dụng đất ở vượt hạn mức trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận***:
- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng Cục Thuế;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- UBND 11 huyện, TP;
- Hội doanh nghiệp tỉnh;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Website tỉnh Hà Giang;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVNCTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Đàm Văn Bông**

**PHỤ LỤC SỐ 03**

**Áp dụng đối với các trường hợp: Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân (quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013)**

*(Kèm theo Quyết định số: 04 /2015/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh Hà Giang)*

| TT | Khu vực | Hệ số điều chỉnh (K) |
|---|---|---|
| **1** | **Thành phố Hà giang:** | |
| a | Các phường | **1,3** |
| b | Các xã còn lại (trừ xã Phương Độ thuộc khu kinh tế cửa khẩu Thanh thủy) | **1,2** |
| **2** | **Huyện Vị Xuyên, Bắc Quang:** | |
| a | TT Vị Xuyên,Việt Lâm, Việt Quang, Vĩnh Tuy | **1,2** |
| b | Các xã còn lại (trừ xã Thanh Thủy, Thanh Đức, Lao Chải, Xín Chải, Phương Tiến, Phong Quang thuộc khu kinh tế cửa khẩu Thanh thủy) và Khu Công nghiệp Bình vàng. | **1,1** |
| **3** | **Các huyện còn lại:** | |
| a | Các Thị trấn | **1,2** |
| b | Các xã còn lại | **1,1** |
| **4** | **Khu kinh tế cửa khẩu Thanh thủy:** | |
| a | Khu Cửa khẩu và Khu hành chính xã Thanh thủy | **1,2** |
| b | Các khu vực còn lại | **1,1** |

# PHỤ LỤC SỐ 02

**Áp dụng đối với các trường hợp: Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất vượt hạn mức; Tính tiền thuê đất đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất, vượt hạn mức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013)**

*(Kèm theo Quyết định số: 04 /2015/QĐ-UBND ngày 04/02 /2015 của UBND tỉnh Hà Giang)*

| TT | Khu vực | Hệ số điều chỉnh (K) | |
|---|---|---|---|
| | | Đất ở, Đất SXKD Phi NN | Đất nông nghiệp |
| 1 | **Thành phố Hà giang:** | | |
| a | Các phường | **1,5** | **1,3** |
| b | Các xã còn lại (trừ xã Phương Độ thuộc khu kinh tế cửa khẩu Thanh thủy) | **1,3** | **1,2** |
| 2 | **Huyện Vị Xuyên, Bắc Quang:** | | |
| a | TT Vị Xuyên,Việt Lâm, Việt Quang, Vĩnh Tuy | **1,4** | **1,2** |
| b | Các xã còn lại (trừ xã Thanh Thủy, Thanh Đức, Lao Chải, Xín Chải, Phương Tiến, Phong Quang thuộc khu kinh tế cửa khẩu Thanh thủy) và Khu CN Bình vàng. | **1,2** | **1,1** |
| 3 | **Các huyện còn lại:** | | |
| a | Các Thị trấn | **1,3** | **1,2** |
| b | Các xã còn lại | **1,1** | **1,1** |
| 4 | **Khu kinh tế cửa khẩu Thanh thủy:** | | |
| a | Khu Cửa khẩu và Khu hành chính xã Thanh thủy | **1,3** | **1,2** |
| b | Các khu vực còn lại | **1,1** | **1,1** |

**PHỤ LỤC SỐ 01**

**Áp dụng đối với các trường hợp: Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, tính tiền cho thuê đất, tính giá trị quyền sử dụng đất đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điểm b, c, d Khoản 4 Điều 114; Khoản 2 Điều 172 và Khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai năm 2013**

*(Kèm theo Quyết định số: 04 /2014/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh Hà Giang)*

| TT | Khu vực | Hệ số điều chỉnh (K) | |
|---|---|---|---|
| | | Đất ở và Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp | Đất nông nghiệp |
| 1 | **Thành phố Hà giang:** | | |
| a | Các phường | **2,7** | **2,2** |
| b | Các xã còn lại (trừ xã Phương Độ thuộc khu kinh tế cửa khẩu Thanh thủy) | **1,8** | **1,4** |
| 2 | **Huyện Vị Xuyên, Bắc Quang:** | | |
| a | TT Vị Xuyên,Việt Lâm, Việt Quang, Vĩnh Tuy | **2** | **1,6** |
| b | Các xã còn lại (trừ xã Thanh Thủy, Thanh Đức, Lao Chải, Xín Chải, Phương Tiến, Phong Quang thuộc khu kinh tế cửa khẩu Thanh thủy) và Khu CN Bình vàng. | **1,6** | **1,3** |
| 3 | **Các huyện còn lại:** | | |
| a | Các Thị trấn | **1,8** | **1,4** |
| b | Các xã còn lại | **1,4** | **1,2** |
| 4 | **Khu kinh tế cửa khẩu Thanh thủy:** | | |
| a | Khu Cửa khẩu và Khu hành chính xã Thanh thủy | **1,5** | **1,3** |
| b | Các khu vực còn lại | **1,3** | **1,1** |